TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ – ST
Ngày 16/01/2026
V/v: Tranh chấp về HN và GĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị An;

2. Ông Hoàng Văn Đức.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2025/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40A/2025/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1989;

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989

Cùng nơi cư trú: thôn Đ, phường T, tỉnh Hưng Yên.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Xuân T trình bày và có yêu cầu như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị H được tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã xã V, thành phố Thái Bình, tỉnh T (nay là UBND phường T, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 22/10/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn do anh chị thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Chị H thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm đến con cái và không thông báo cho anh T biết chị đi đâu, làm gì. Anh T chỉ có thể liên hệ với chị H qua ứng dụng Facebook. Anh T đã thông báo cho chị H về việc ly hôn, chị H đã biết và đồng ý ly hôn tuy nhiên chị H không muốn lên Tòa án để làm thủ tục ly hôn với anh Trường. Hiện tại, anh T và chị H đã sống ly thân. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ con chung: Anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị H có 03 con chung là Phạm Xuân H, sinh ngày 23/4/2009; Phạm Thị Trà L, sinh ngày 25/8/2014; Phạm Xuân Trường S, sinh ngày 06/4/2017. Ly hôn. anh T đề nghị được trực tiếp nuôi cả 03 con chung Phạm Xuân H, Phạm Thị Trà L, Phạm Xuân Trường S. Anh Tkhông yêu cầu chị H phải góp cấp dưỡng nuôi con chung do anh T cho rằng chị H chưa bao giờ quan tâm đến con cái, dù anh có yêu cầu chị cũng sẽ không đóng góp gì. Anh T hiện đang làm nghề lái xe, thu nhập từ 15.000.000 đồng/tháng – 20.000.000 đồng/ tháng nên anh Trường có đủ điều kiện để nuôi dạy cho cả 03 con chung. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của 03 con chung Phạm Xuân H, Phạm Thị Trà L, Phạm Xuân Trường S; cả 03 con chung đều có nguyện vọng được ở với bố.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị H không có tài sản chung, không vay nợ chung. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng.

* *Ủy ban nhân dân phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên cung cấp:* Anh Phạm Xuân T, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, anh T và chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, phường T, tỉnh Hưng Yên. Thời gian chung sống, địa phường được biết anh chị có mâu thuẫn. Tuy nhiên, nguyên nhân mẫu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Nay anh T có đơn khởi kiện xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị H có 03 con chung là Phạm Xuân H, sinh ngày 23/4/2009; Phạm Thị Trà L, sinh ngày 25/8/2014; Phạm Xuân Trường S, sinh ngày 06/4/2017. Cả 03 con chung hiện đều đang sống với anh Trường. Ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản của anh T và chị Hthì địa phương không nắm được tài sản chung hay nợ chung của anh chị. Ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Hưng Yên phát biểu ý kiến:*

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, có bản tự khai, giao nộp các tài liệu, chứng cứ tham gia đầy đủ theo triệu tập của Tòa án phục vụ cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn không đến Tòa án, không có mặt tại phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Xuân T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung Phạm Xuân H, Phạm Thị Trà L, Phạm Xuân Trường S. Anh Phạm Xuân T không yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm Xuân Tr phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng: Anh Phạm Xuân T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt anh T, chị H.

II. Về nội dung**:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị H được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh T và chị H thường xuyên cãi vã. Chị H không quan tâm, chăm sóc con cái. Hiện tại, anh T và chị H đã sống ly thân. Xét thấy trên thực tế cuộc sống chung giữa anh T và chị H đã không còn tồn tại, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau và không cùng mục đích xây dựng gia đình, nuôi dạy con chung. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trường, xử cho anh T được ly hôn chị H.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị H có 03 con chung là Phạm Xuân H, sinh ngày 23/4/2009; Phạm Thị Trà L, sinh ngày 25/8/2014; Phạm Xuân Trường S, sinh ngày 06/4/2017. Ly hôn. anh Trường đề nghị được trực tiếp nuôi cả 03 con chung Phạm Xuân H, Phạm Thị Trà L, Phạm Xuân Trường S. Anh Trường không yêu cầu chị Hương phải góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị Nguyễn Thị H tuy là người mẹ nhưng lại không dành thời gian nuôi dưỡng và chăm sóc con cái. Cả 03 con chung Phạm Xuân H, Phạm Thị Trà L, Phạm Xuân Trường S đề có lời khai xin ở với anh Phạm Xuân T. Anh Tg cũng đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cả ba con chung. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung cũng như ổn định cuộc sống của các con chung. Giao cho anh Phạm Xuân Trường trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung Phạm Xuân H, Phạm Thị Trà L, Phạm Xuân Trường S. Anh Phạm Xuân T không yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, nên không đặt ra giải quyết trong vụ án.

[3] Về chia tài sản: Anh Phạm Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Tòa án không ghi được ý kiến của chị Nguyễn Thị H về tài sản chung, vay nợ chung của vợ chồng nên tách phần tài sản, giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí: Anh Phạm Xuân T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Xuân T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung Phạm Xuân H, sinh ngày 23/4/2009; Phạm Thị Trà L, sinh ngày 25/8/2014; Phạm Xuân Trường S, sinh ngày 06/4/2017. Chị Nguyễn Thị Hương không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh Phạm Xuân T.

Chị Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Xuân T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Trường đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0001854 ngày 08 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên sang thi hành án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Trường.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Xuân T và chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 5 – Hưng Yên;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên (trước đây là xã Vũ Chính, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình) - GCNKH số 165 ngày 22/10/2008);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Anh Tuấn